

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế và giao dự toán kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 1351/TTg-NN ngày 09/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 3 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 2, năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân (Chương trình 30a);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 50/TTr-SNN&PTNT ngày 27/01/2024; của UBND huyện Thường Xuân tại Văn bản số 3917/UBNDQLDA ngày 21/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, với những nội dung chính sau:

1. Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sang mục đích khác: 12,27 ha.
2. Địa điểm: Xã Luận Khê, xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân.
3. Loại rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác:
 - a) Theo mục đích sử dụng: Rừng phòng hộ: 10,64 ha; rừng sản xuất: 1,63 ha.
 - b) Theo nguồn gốc hình thành rừng: Rừng tự nhiên 8,02 ha; rừng trồng 4,25 ha.
 - c) Diện tích nộp tiền trồng rừng thay thế: 28,31 ha (trong đó: Diện tích rừng tự nhiên là $8,02 \text{ ha} \times 3 = 24,06 \text{ ha}$; diện tích rừng trồng 4,25 ha)
4. Chủ dự án nộp tiền trồng rừng thay thế: UBND huyện Thường Xuân.
5. Đơn giá nộp tiền ủy thác trồng rừng thay thế: 112,934 triệu đồng/ha.
6. Tổng số tiền phải nộp (làm tròn): 3.197,162 triệu đồng (*Viết bằng chữ: Ba tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).
7. Thời gian thực hiện nộp tiền: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Giao giá trị dự toán kinh phí thực hiện trồng rừng thay thế do UBND huyện Thường Xuân nộp khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, cụ thể:

1. Chủ đầu tư: Đoàn Biên phòng Pù Nhi.
2. Địa điểm trồng rừng thay thế: Đất trống thuộc quy hoạch rừng phòng hộ đã giao cho Đoàn Biên phòng Pù Nhi quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Pù Nhi, huyện Mường Lát.
3. Quy mô diện tích trồng rừng thay thế: Đảm bảo tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Lâm nghiệp năm 2017; khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Giải pháp thiết kế kỹ thuật: Theo quy định của pháp luật hiện hành và nội dung phê duyệt của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 37/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/01/2024 (được UBND tỉnh ủy quyền tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020).

5. Giao tổng giá trị dự toán kinh phí cho chủ đầu tư (Đồn Biên phòng Pù Nhi) và các đơn vị quản lý dự án cấp tỉnh để thực hiện trồng rừng thay thế: 3.197,162 triệu đồng (*Viết bằng chữ: Ba tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

6. Tiến độ giải ngân: *Chi tiết theo Phụ biểu đính kèm.*

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Thường Xuân có trách nhiệm nộp tiền về Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa để ủy thác trồng rừng thay thế theo nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và quy định tại Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh về tính chính xác, sự phù hợp với quy định của pháp luật của nội dung thẩm định, phê duyệt về thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí và đơn giá nộp tiền ủy thác trồng rừng thay thế (chủng loại, mật độ cây trồng, đơn giá cây giống, đơn giá nhân công, đơn giá phân bón...), đảm bảo không làm thất thoát ngân sách Nhà nước; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc UBND huyện Thường Xuân nộp tiền về Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa; theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu trồng rừng thay thế theo đúng quy định; phát hiện kịp thời, tham mưu ngay cho UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý và có biện pháp khắc phục những tồn tại, vướng mắc, vi phạm (nếu có) liên quan đến việc nộp tiền trồng rừng thay thế, tổ chức trồng rừng thay thế theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa tiếp nhận, quản lý, tổ chức giải ngân, kiểm soát thanh toán các khoản chi trồng rừng thay thế theo phê duyệt của UBND tỉnh và quy định tại Mục 5 Chương II về quản lý thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho dự án đầu tư công của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

4. Đồn Biên phòng Pù Nhi tổ chức trồng rừng thay thế theo phương án trồng rừng thay thế, dự toán, thiết kế kỹ thuật trồng rừng thay thế được cấp thẩm quyền phê duyệt cho đến khi được nghiệm thu hoàn thành, tổ chức quản lý, sử dụng rừng trồng thay thế và thanh toán, quyết toán kinh phí đầu tư trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện trồng rừng thay thế và chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng đối với diện tích rừng trồng thay thế trên địa bàn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; UBND huyện Thường Xuân; UBND huyện Mường Lát; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh; Đoàn Biên phòng Pù Nhi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4, QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- UBND các xã: Luận Khê, Xuân Lộc, huyện Thường Xuân;
- UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát;
- Hạt Kiểm lâm huyện Mường Lát;
- Lưu: VT, NN.

(MC12.01.24)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU

Giao dự toán kinh phí trồng rừng thay thế do UBND huyện Thường Xuân nộp tiền khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường giao thông từ thôn Bồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

TT	Thời gian	Tổng cộng theo năm	CHỦ ĐẦU TƯ							QUẢN LÝ DỰ ÁN CẤP TỈNH		
			Tổng	Chi phí trực tiếp	Chi phí chung	Thu nhập chịu thuế tính trước	Chi phí tư vấn (khảo sát thiết kế)	Chi phí khác (thảm định)	Quản lý dự án	Sở Nông nghiệp và PTNT	Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh	Chi cục Kiểm lâm
1	Năm thứ nhất	1.811.524	1.773.415	1.556.597	137.162		59.706	7.247	12.703	12.703	12.703	12.703
2	Năm thứ 2	716.645	700.992	695.775					5.217	5.218	5.218	5.217
3	Năm thứ 3	313.489	306.643	304.361					2.282	2.282	2.282	2.282
4	Năm thứ 4	355.504	347.743	186.733		158.423			2.587	2.587	2.587	2.587
	Tổng cộng	3.197.162	3.128.793	2.743.466	137.162	158.423	59.706	7.247	22.789	22.790	22.790	22.789